

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2020.
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh
D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Ông Lò Văn Khệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTH, sinh 1982, trú tại: Bản PN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVD, sinh 1980, trú tại: Bản PN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTH trình bày:

Chị và anh LVD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 15/01/2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVD không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy, đã đi tù một lần. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTH xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVD.

Về con chung: Có ba con là LTN, sinh ngày 05/11/2002, LVN, sinh ngày 08/01/2004 và LTD, sinh ngày 06/8/2006. Nguyên vọng chị muốn được nuôi tất cả các con, hiện nay các con đều đang ở với chị, công việc của chị thu nhập khoảng 6.500.000, đồng tháng, không yêu cầu anh LVD phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, do đã bị anh LVD bán hết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVD từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTH và anh LVD. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTH. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTH trình bày là đúng.

Về con chung: Có ba con là LTN, sinh ngày 05/11/2002, LVN, sinh ngày 08/01/2004 và LTD, sinh ngày 06/8/2006.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị LTH được ly hôn anh LVD.

Về con chung: Giao cho chị LTH trực tiếp nuôi hai con là LVN, sinh ngày 08/01/2004 và LTD, sinh ngày 06/8/2006. Chị LTH không yêu cầu anh LVD phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVD sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyên vọng, anh LVD đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MC, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định

của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVD.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTH và anh LVD có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVD không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTH và anh LVD đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTH được ly hôn anh LVD.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hiện nay các cháu đang ở với chị, do anh LVD nghiện ma túy, cần giao các cháu cho chị LTH trực tiếp nuôi hai con là LVN, sinh ngày 08/01/2004 và LTD, sinh ngày 06/8/2006, là đúng nguyện vọng của các cháu. Chị LTH không yêu cầu anh LVD phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTH được ly hôn anh LVD.

2. Về con chung: Giao cho chị LTH trực tiếp nuôi hai con là LVN, sinh ngày 08/01/2004 và LTD, sinh ngày 06/8/2006. Chị LTH không yêu cầu anh LVD phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004027 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/12/2020.

Anh LVD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CL, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn